

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2020/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 13 tháng 11 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**  
**Quy định một số chính sách về công tác dân số**  
**trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**  
**KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng chính phủ về quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế xóm, bản;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BYT ngày 14 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy Dân số - Kế hoạch hóa gia đình ở địa phương;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2013/TT-BYT ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, bản;*

*Thực hiện Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;*

*Xét Tờ trình số 7608/TTr-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định một số chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## 2. Đối tượng áp dụng

- a) Xã, phường, thị trấn; Huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- b) Trẻ sơ sinh thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- c) Cộng tác viên dân số khối; nhân viên y tế xóm, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác dân số trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

## **Điều 2. Chính sách khuyến khích nhằm giảm mức sinh, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh**

### 1. Đối với huyện, thị xã, thành phố

a) Huyện, thị xã, thành phố 05 năm liên tục đạt chỉ tiêu giảm mức sinh và giảm tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên theo kế hoạch tỉnh giao hàng năm thì được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 50 triệu đồng. Từ năm thứ 06 trở đi, ngoài mức thưởng 50 triệu đồng, nếu đạt và vượt chỉ tiêu giao, cứ 01 năm liền kề được tặng thưởng thêm 10 triệu đồng.

b) Huyện, thị xã, thành phố 03 năm liên tục đạt chênh lệch giới tính khi sinh ở mức tự nhiên (103 - 106 bé trai/100 bé gái sinh ra sống cùng thời điểm) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 50 triệu đồng. Từ năm thứ 04 trở đi, ngoài mức thưởng 50 triệu đồng, cứ 01 năm liền kề được tặng thưởng thêm 10 triệu đồng.

### 2. Đối với xã, phường, thị trấn

a) Xã, phường, thị trấn 01 năm không có người sinh con thứ 03 trở lên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 30 triệu đồng.

b) Xã, phường, thị trấn 02 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 60 triệu đồng.

c) Xã, phường, thị trấn 03 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 90 triệu đồng.

d) Xã, phường, thị trấn 04 năm liên tục không có người sinh con thứ 03 trở lên (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 120 triệu đồng. Từ năm thứ 05 trở đi, ngoài mức thưởng 120 triệu đồng, cứ 01 năm liền kề được tặng thưởng thêm 50 triệu đồng.



đ) Xã, phường, thị trấn thực hiện giảm ít nhất 50% tỷ lệ sinh con thứ 03 trở lên so với năm trước (theo số liệu được UBND huyện, thành phố, thị xã xác nhận) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 05 triệu đồng.

### **Điều 3. Chính sách khuyến khích nhằm nâng cao chất lượng dân số**

1. Đối với trẻ sơ sinh thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh được hỗ trợ giá dịch vụ khám chữa bệnh theo mức hỗ trợ hiện hành do Bộ Y tế và cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở khám chữa bệnh công lập (trừ trường hợp đã được hỗ trợ cùng nội dung theo quy định hiện hành).

2. Đối với xã, phường, thị trấn 03 năm liên tục có 100% nam, nữ thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn (theo số liệu được UBND huyện, thị xã, thành phố xác nhận) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 05 triệu đồng.

3. Đối với xã, phường, thị trấn (trừ các địa phương có 100% đối tượng được ngân sách Nhà nước đóng Bảo hiểm Y tế theo quy định hiện hành của Nhà nước) có: 100% người cao tuổi (theo quy định của Luật người cao tuổi năm 2019) có thẻ bảo hiểm y tế, được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên tổ chức khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi (ít nhất 01 lần/năm) (theo số liệu được UBND huyện, thị xã, thành phố xác nhận) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, kèm theo mức thưởng 05 triệu đồng.

### **Điều 4. Chính sách đối với cộng tác viên dân số khối, nhân viên y tế xóm, bản**

1. Cộng tác viên dân số khối thuộc phường, thị trấn kiêm nhiệm công tác y tế tại khối, được hưởng hỗ trợ hàng tháng bằng 0,35 lần mức lương cơ sở và được hỗ trợ thêm 150.000 đồng/tháng.

2. Nhân viên y tế xóm, bản kiêm nhiệm công tác dân số tại các xóm, bản, hưởng mức hỗ trợ theo quy định hiện hành và được hỗ trợ thêm 150.000 đồng/tháng.

### **Điều 5. Kinh phí thực hiện**

Ngân sách tỉnh bảo đảm và được bố trí trong dự toán hàng năm.

### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khóa XVII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 13 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 170/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn tỉnh Nghệ An./.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn